

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **160** /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **15** tháng **01** năm **2013**

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững
giai đoạn 2013 - 2015**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 6.58
	Ngày: 17/01/13

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013 - 2015 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ, Cục, Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b), HĐC. **240**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển bền vững giai đoạn 2013 - 2015 (sau đây gọi là Kế hoạch hành động) nhằm xác định một số nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu trong giai đoạn 2013 - 2015 để thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển bền vững, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với phát triển bền vững (PTBV) đất nước

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng; nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước các lĩnh vực; kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy các cấp để đảm nhiệm công tác quản lý PTBV.

c) Xây dựng và thực hiện các chương trình/kế hoạch hành động các ngành, các cấp về PTBV.

2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững

a) Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về PTBV.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin truyền thông trong việc nâng cao nhận thức của người dân về các chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển bền vững của đất nước; phổ biến nội dung, thông tin về PTBV.

c) Nâng cao trách nhiệm tham gia của các tổ chức đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng

sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, ...) trong công tác truyền thông về PTBV.

d) Đưa nội dung giáo dục về PTBV vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

3. Lồng ghép các nguyên tắc, nội dung phát triển bền vững trong các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển

a) Rà soát, đánh giá tính bền vững của các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành hiện nay.

b) Lồng ghép các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu PTBV trong các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đưa các chỉ tiêu PTBV vào hệ thống kế hoạch các cấp.

4. Tăng cường giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững

a) Xây dựng và ban hành các chỉ tiêu PTBV ngành/lĩnh vực phù hợp với đặc thù của mỗi ngành/lĩnh vực.

b) Xây dựng và ban hành bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV cấp địa phương.

c) Nghiên cứu, tính toán các chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV của Chiến lược để công bố theo lộ trình.

d) Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện PTBV.

5. Xây dựng và triển khai các mô hình, sáng kiến phát triển bền vững

a) Xây dựng và thực hiện các mô hình, sáng kiến PTBV ngành.

b) Xây dựng và thực hiện các mô hình, sáng kiến PTBV của các địa phương.

6. Từng bước thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh

a) Xây dựng khung pháp lý, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh.

b) Nghiên cứu việc xây dựng Trung tâm tăng trưởng xanh mang tầm khu vực, đặt trụ sở tại Việt Nam.

c) Nghiên cứu, tính toán chỉ tiêu GDP xanh để công bố theo lộ trình.

7. Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện phát triển bền vững

a) Ưu tiên nguồn chi từ Ngân sách nhà nước cho việc xây dựng hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, kế hoạch hành động về PTBV, nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ PTBV, giáo dục truyền thông nâng cao nhận

thức; nâng cao năng lực quản lý và thực hiện PTBV.

b) Thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển bền vững quốc gia.

c) Thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức quốc tế, cá nhân trong và ngoài nước cho các hoạt động PTBV.

d) Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, huy động các nguồn lực tài chính từ mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt từ cộng đồng doanh nghiệp cho PTBV.

8. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững

a) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và thực hiện PTBV cho cán bộ quản lý các cấp, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng doanh nghiệp.

b) Phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu PTBV với cơ cấu hợp lý theo ngành và theo lĩnh vực PTBV.

c) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý PTBV.

9. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững

a) Tăng cường vai trò của cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện PTBV đất nước.

b) Nâng cao trách nhiệm tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong thực hiện PTBV.

c) Tăng cường năng lực các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong tư vấn phản biện, kiến nghị chính sách về PTBV.

10. Tăng cường vai trò của khoa học và công nghệ trong thực hiện phát triển bền vững

a) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ PTBV.

b) Thực hiện nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng, chuyển giao các công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường.

c) Phát triển và tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ PTBV.

11. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển bền vững

a) Tăng cường hợp tác trao đổi thông tin trên các lĩnh vực để thực hiện PTBV.

b) Tiếp tục thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực về PTBV; xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế để thực hiện các mục tiêu PTBV.

c) Tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực như tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM)... cũng như các diễn đàn thế giới, các diễn đàn trong khuôn khổ của Liên Hợp Quốc để giải quyết những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và tăng cường tiếng nói của Việt Nam trong các diễn đàn này... để thúc đẩy PTBV.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện

Căn cứ vào các nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch hành động và các nhiệm vụ cụ thể được phân công trong Phụ lục 1 (kèm theo Kế hoạch này), các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai thực hiện kịp thời và hiệu quả những nhiệm vụ và các đề án, chương trình của Kế hoạch hành động.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, các cơ quan, các tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, gửi cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư để xem xét, tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn chi đầu tư phát triển và nguồn chi sự nghiệp để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động; hướng dẫn các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính điều phối, huy động các nguồn tài trợ nước ngoài để thực hiện Kế hoạch hành động.

Các Bộ, các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương chủ động huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch hành động.

3. Giám sát và đánh giá

a) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án được giao chủ trì, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV thuộc lĩnh vực quản lý theo lộ trình và kỳ báo cáo quy định tại Phụ lục 2 (kèm theo Kế hoạch này), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, kiểm tra và tổng hợp việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án, chương trình của Kế hoạch hành động; định kỳ hàng năm đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện Kế hoạch hành động; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu PTBV theo lộ trình và kỳ báo cáo quy định tại Phụ lục 2 nêu trên; năm 2015 tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động và các chỉ tiêu PTBV, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch hành động, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động đề nghị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân
Nguyễn Thiện Nhân



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN KHAI
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2015¹
(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế PTBV, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với phát triển bền vững đất nước			
a.	Xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2013
b.	Đề án rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách hiện hành để đề xuất các sửa đổi, bổ sung cần thiết nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho thực hiện PTBV	Bộ TP	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2014
c.	Xây dựng các Chương trình/Kế hoạch hành động của các Bộ, ngành và địa phương để thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững	Các Bộ, ngành, địa phương	Bộ KHĐT, TC	2013
d.	Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy các cấp để thực hiện quản lý PTBV	Bộ NV	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2014
2	Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững			
a.	Đề án Xây dựng trang thông tin điện tử của Hội đồng quốc gia về PTBV và Nâng cao năng lực cạnh tranh	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành liên quan	2013 - 2014
b.	Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư về PTBV	MTTQ VN	TLĐLĐVN, các tổ chức đoàn thể và địa phương	2013 - 2015

¹ Các nội dung, nhiệm vụ đã được nêu tại chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016, chương trình hành động của Chính phủ triển khai Chiến lược Phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, các chiến lược, chương trình hành động của các ngành/ lĩnh vực, chương trình mục tiêu quốc gia, các nội dung, nhiệm vụ đang được triển khai tại các Bộ, ngành không được nêu trong Kế hoạch hành động này.

c.	Chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng doanh nghiệp về PTBV	Phòng TMCN VN	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2013 - 2015
d.	Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về PTBV cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách, lập kế hoạch	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2013 - 2015
đ.	Đề án tăng cường vai trò và sự tham gia của các cơ quan thông tin, truyền thông trong thực hiện PTBV	Bộ TT&TT	Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, một số cơ quan báo chí	2013 - 2015
e.	Đề án đưa nội dung giáo dục về phát triển bền vững vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo	Bộ GDĐT	Bộ KHĐT, TC và địa phương liên quan	2013 - 2015
3	Lồng ghép các nguyên tắc, nội dung phát triển bền vững trong các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển			
a.	Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật về lồng ghép các quan điểm, nguyên tắc phát triển bền vững trong các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2014
b.	Đề án rà soát, đánh giá tính bền vững của các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành hiện hành	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành liên quan	2013 - 2015
4	Tăng cường giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững			
a.	Xây dựng các chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV ngành/lĩnh vực	Các Bộ, ngành	Bộ KHĐT	2013
b.	Xây dựng Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV cấp địa phương	Bộ KHĐT	Các địa phương	2013
c.	Đề án rà soát, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV giai đoạn 2011 - 2015	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2015
d.	Đề án xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện PTBV	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2013 - 2015

5	Xây dựng và triển khai các mô hình, sáng kiến phát triển bền vững			
a.	Chương trình hỗ trợ xây dựng và thực hiện các mô hình PTBV cộng đồng	Bộ KHĐT	Bộ NN&PTNT, các địa phương	2013 - 2015
b.	Chương trình hỗ trợ xây dựng và thực hiện các mô hình phát triển năng lượng sạch	Bộ CT	Bộ KHĐT, Phòng TMCNVN, các cơ quan, tổ chức liên quan	2013 - 2015
c.	Chương trình hỗ trợ xây dựng các mô hình làng sinh thái	Bộ XD	Bộ KHĐT, Bộ TNMT, các địa phương	2013 - 2015
d.	Chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực để quản lý bền vững các khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam	Bộ KHĐT	Bộ VHHTDL, Bộ Ngoại giao	2013 - 2015
6	Từng bước thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh			
a.	Xây dựng khung pháp lý, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành liên quan	2013 - 2014
b.	Đề án nghiên cứu hình thành Trung tâm tăng trưởng xanh mang tầm khu vực	Bộ KHĐT	Bộ Ngoại giao	2013 - 2015
c.	Đề án nghiên cứu tính toán chỉ tiêu GDP xanh	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2015
d.	Đề án phát triển việc làm “xanh” (việc làm bền vững)	Bộ LĐTBXH	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2015
7	Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện phát triển bền vững			
a.	Đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển bền vững quốc gia	Bộ KHĐT	Bộ TC	2013 - 2014
b.	Xây dựng Định hướng thu hút ODA để thực hiện phát triển bền vững	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành liên quan	2013 - 2014
c.	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực từ mọi thành phần trong xã hội đầu tư cho PTBV	Bộ TC	Bộ KHĐT, các Bộ, ngành liên quan	2013 - 2014

8	Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững			
a.	Đề án xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý phát triển bền vững	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2014 - 2015
b.	Chương trình đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực thực hiện phát triển bền vững cho các nhà hoạch định chính sách, lập kế hoạch	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương	2013 - 2015
c.	Chương trình xây dựng năng lực quản lý PTBV cho các doanh nghiệp	Phòng TMCN VN	Bộ KHĐT, các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan	2013 - 2015
d.	Chương trình tăng cường năng lực tư vấn, phản biện xã hội, kiến nghị chính sách về PTBV cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư	Liên hiệp hội KHKT VN	Bộ KHĐT, MTTQ và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, phi chính phủ có liên quan	2013 - 2015
đ.	Đề án tăng cường năng lực thực hiện PTBV cho cán bộ quản lý các cấp của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	Học viện CTHC QG HCM	Bộ KHĐT, Bộ GDĐT	2013 - 2015
e.	Đề án xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phát triển nguồn nhân lực để giám sát việc thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2013 - 2014
9	Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững			
a.	Chương trình giám sát và đánh giá các hoạt động PTBV của doanh nghiệp	Bộ KHĐT	Các Bộ, ngành liên quan và Phòng TMCN VN	2013 - 2015

b.	Chương trình tăng cường vai trò và sự tham gia của các tổ chức xã hội, chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong thực hiện PTBV	MTTQ Việt Nam	Bộ KHĐT, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và địa phương liên quan	2013 - 2015
10	Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ trong thực hiện PTBV			
a.	Đề án Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Bộ CT	Các Bộ TNMT, KHĐT, KHCN, XD, GTVT, TC, Phòng TMCN VN và địa phương liên quan	2013 - 2015
b.	Đề án Phát triển thị trường các sản phẩm thân thiện môi trường	Bộ TNMT	Các Bộ KHĐT, CT, NNPTNT, XD, GTVT, TC, KHCN, GDĐT và địa phương liên quan	2013 - 2015
c.	Chương trình tăng cường năng lực KHCN cho các tổ chức KHCN trong và ngoài nhà nước nhằm phục vụ phát triển bền vững	Bộ KHCN	Liên hiệp các hội KHKT VN, các Viện, trường đại học liên quan	2013 - 2015

Ghi chú:

CA - Công an; CT - Công Thương; CTHC QG HCM - Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh; KHĐT - Kế hoạch và Đầu tư; KHKT - Khoa học kỹ thuật; MTTQ - Mặt trận Tổ quốc; LĐTBXH - Lao động - Thương binh và Xã hội; NNPTNT - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; NV - Nội vụ; TNMT - Tài nguyên và Môi trường; TC - Tài chính; TP - Tư pháp; TMCN VN - Thương mại và công nghiệp Việt Nam; TT&TT - Thông tin và Truyền thông; PTBV - Phát triển bền vững; UBND - Ủy ban nhân dân; VHHTDL - Văn hóa, Thể thao và Du lịch; XD - Xây dựng.



Phụ lục II

**CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 - 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Lộ trình thực hiện	2010	2015*	Kỳ báo cáo
I	Các chỉ tiêu tổng hợp					
1	GDP xanh (VND hoặc USD)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2015	-	-	Năm
2	Chỉ số phát triển con người (HDI) (0-1)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2015	0,733	Đạt nhóm trung bình khá của thế giới	Năm
3	Chỉ số bền vững môi trường (0-1)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2015	-	-	2 năm
II	Các chỉ tiêu kinh tế					
4	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) (số đồng vốn đầu tư thực hiện tăng thêm để tăng thêm 1 đồng GDP)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	5,27	<5,0	Năm
5	Năng suất lao động xã hội (USD/lao động)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	1.917	3.900 - 4.000	Năm
6	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung (%)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2015	28,2	30,0	Năm
7	Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP (%)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2015	-	2,5 - 3%/năm	Năm

8	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng năng lượng (%)	Bộ Công Thương	2011	3	4	Năm
9	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (% so với tháng 12 năm trước)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	11,75	Bình quân 5 năm <10	Tháng
10	Cán cân vãng lai (tỷ USD)	Ngân hàng Nhà nước	2011	- 3,524 (năm 2011)	-3,1	Quý, Năm
11	Bội chi Ngân sách nhà nước (%/GDP)	Bộ Tài chính	2011	5,53	4,5	Tháng, Quý, Năm
12	Nợ của Chính phủ (%/GDP)	Bộ Tài chính	2011	45,7	60 - 65	Năm
13	Nợ nước ngoài (%/GDP)	Chủ trì: Bộ Tài chính Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước	2011	42,2	<50,0	Năm
III	Các chỉ tiêu về xã hội					
14	Tỷ lệ nghèo (%)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	1	Giảm bình quân 1,5 - 2%/năm	Năm
15	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	2,88	< 3,00	Quý, năm
16	Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	40	55	Năm
17	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) (lần)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	2011	0,425	<0,5	Năm
18	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100gái)	Bộ Y tế	2011	111	113	Năm
19	Số sinh viên/10.000 dân (SV)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	200	300	Năm
20	Số thuê bao Internet (số thuê bao/100 dân)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2011	30	8,5 (Băng)	Quý, Năm

					thông rộng)	
21	Tỷ lệ người dân được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (%)	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	2011	XH: Y tế: 60 TN:	XH: 38 Y tế: 75 TN: 73	Năm
22	Số người chết do tai nạn giao thông (người/100.000 dân/năm)	Bộ Công an	2011	13	11	Tháng, 6 tháng, Năm
23	Tỷ lệ số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới (%)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2015	-	20	Năm
IV	Các chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường					
24	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2011	39,7	42 - 43	Năm
25	Tỷ lệ đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học (%)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011	7,6 (2,5 tr. ha)	-	Năm
26	Diện tích đất bị thoái hóa (triệu ha)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015	9,3	-	2 năm
27	Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt (m ³ /người/năm)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011	2098	-	2 năm
28	Tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép (%)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011	-	-	Năm
29	Tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (%)	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công thương	2011	50	60	Năm
30	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (%)	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011	83	85	Năm

* Theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.